

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 277/2020/DS-PT
Ngày: 14-8-2020
V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Bà Lê Thị Bích Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 302/2020/TLPT-DS ngày 09 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 350/2020/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị P, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Á, sinh năm 1944;

Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

- Viện Kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh.

(Bà P có mặt; bà Á và bà H vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19-12-2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đặng Thị P trình bày:

Vào ngày 03-5-2019 dương lịch, bà có cho bà Trần Thị Á vay 45.000.000 đồng, bà Á hẹn đến ngày 03-8-2019 dương lịch sẽ hoàn trả số tiền trên. Khi đến hạn trả nợ, bà Á không trả tiền cho bà, mặc dù bà đã báo đòi nợ nhiều lần. Nay bà yêu cầu bà Á trả cho bà số tiền gốc 45.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi suất pháp luật quy định tính từ ngày 04-8-2019 dương lịch cho đến khi thanh toán hết nợ. Đây là số tiền nợ mà bà Á vay của bà nên bà yêu cầu bà Á có nghĩa vụ trả nợ, bà không yêu cầu người nào khác cùng liên đới trả nợ.

Bị đơn bà Trần Thị Á trình bày:

Vào ngày 03-5-2019 dương lịch, bà có ký biên nhận nợ với bà Đặng Thị P số tiền mượn 45.000.000 đồng và hẹn đến ngày 03-8-2019 dương lịch sẽ hoàn trả cho bà P số tiền trên. Tuy bà có ký tên vào biên nhận nợ nhưng bà không có nhận tiền của bà P, mà số tiền 45.000.000 đồng này là tiền lãi do trước đây bà P có cho con của bà là Phạm Thị H vay tiền. Sau khi bà H trả số tiền gốc đã vay cho bà P thì bà P tính tiền lãi 45.000.000 đồng nên bà P yêu cầu bà ký nhận nợ 45.000.000 đồng vào biên nhận nợ ngày 03-5-2019 dương lịch.

Nay bà cũng đồng ý trả cho bà P số tiền 45.000.000 đồng nhưng xin được trả dần mỗi vụ lúa trả 5.000.000 đồng, thời gian trả bắt đầu tính từ vụ lúa Đông xuân năm 2021 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H trình bày:

Vào khoảng năm 2018, bà có vay tiền của bà P 02 lần: lần 01 vay 20.000.000 đồng, lần 02 vay 108.000.000 đồng, tổng cộng là 128.000.000 đồng, lãi suất 9%/tháng. Sau 1,5 tháng kể từ ngày vay, bà có trả trước cho bà P 10.000.000 đồng tiền lãi. Sau 04 tháng kể từ ngày vay, bà trả cho bà P 64.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 64.000.000 đồng tiền gốc. Bà P có tính thêm tiền lãi là 30.000.000 đồng, nhưng số tiền lãi này bà chưa trả cho bà P. Còn lại số tiền gốc 64.000.000 đồng thì đến tháng 4 năm 2019 bà bán cá nên mẹ bà là bà Trần Thị Á có mang tiền của bà đến để trả cho bà P hết số tiền gốc. Khi đó bà P có tính thêm số tiền lãi trên nợ gốc 64.000.000 đồng là 15.000.000 đồng tiền lãi. Bà P cộng tiền lãi trước là 30.000.000 đồng và tiền lãi sau là 15.000.000 đồng, nên tổng cộng tiền lãi là 45.000.000 đồng. Bà P yêu cầu mẹ bà nhận nợ 45.000.000 đồng và ký biên nhận nợ ngày 03-5-2019 dương lịch. Tuy mẹ bà có ký nhận nợ 45.000.000 đồng theo biên nhận ngày 03-5-2019 dương lịch nhưng mẹ bà không có nhận 45.000.000 đồng của bà P, mà thực tế số tiền 45.000.000 đồng này là tiền lãi bà P tính toán do trước đây bà có vay tiền của bà P như đã trình bày phần trên.

Trong vụ án này, bà không yêu cầu gì và cũng không yêu cầu độc lập. Bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Bà mong bà P đồng ý với đề nghị trả nợ dần của mẹ bà là bà Trần Thị Á theo ý kiến của bà Á.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị P.

Buộc bà Trần Thị Á có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị P số tiền gốc 45.000.000 đồng và số tiền lãi 7.245.900 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 52.245.900 đồng (*Năm mươi hai triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm đồng*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh có Quyết định kháng nghị số 241/QĐKNPT-VKS-DS như sau: Bản án sơ thẩm tính lãi suất 1,66%/tháng là chưa đúng quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, đề nghị sửa án sơ thẩm, tính lãi suất 0,83%/tháng và tính lại án phí mà bà Á phải chịu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và Viện Kiểm sát không rút kháng nghị, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Kháng nghị làm trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ biên nhận ngày 03-5-2019, có căn cứ xác định bà Á có vay của bà P số tiền 45.000.000 đồng, biên nhận này không thể hiện các bên có thỏa thuận việc trả lãi nhưng bản án sơ thẩm tính lãi chậm trả với mức lãi suất 1,66%/tháng là chưa đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015. Trong trường hợp này phải tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng mới phù hợp. Đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, sửa bản án sơ thẩm đối với phần tính lãi và án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà Trần Thị Á, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tại “Biên nhận” ngày 03-5-2019, có nội dung: Bà P có cho bà Á mượn số tiền 45.000.000 đồng, hẹn đến ngày 03-8-2019 sẽ hoàn trả số tiền trên. Tuy nhiên, bà Á, bà H cho rằng số tiền 45.000.000 đồng là số tiền lãi phát sinh từ hợp đồng vay tài sản vào năm 2018 giữa bà P và bà H, vì vậy bà P viết biên nhận yêu cầu bà Á ký nhận nợ với số tiền mượn là 45.000.000 đồng tại biên nhận ngày 03-5-2019.

[3] Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai bà Trần Thị Á ngày 18-02-2020, biên bản lấy lời khai bà Phạm Thị H ngày 12-3-2020, bà Á và bà H đều trình bày không có chứng cứ gì để chứng minh số tiền 45.000.000 đồng được ghi trong biên nhận ngày 03-5-2019 dương lịch là số tiền lãi. Do lời khai của các đương sự có mâu thuẫn nhau nên Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần triệu tập các đương sự để tiến hành đối chất làm rõ nội dung vụ án. Tuy nhiên, bà Á và bà H đã nhiều lần vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình nên lời trình bày của bà Á, bà H là không có cơ sở.

[4] Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tại biên nhận nợ ngày 03-5-2019 dương lịch có chữ ký tại mục người nhận tiền tên Trần Thị Á. Bà Á cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết ghi họ tên tại mục người nhận tiền trong biên nhận ngày 03-5-2019 dương lịch chính là chữ ký và chữ viết ghi họ tên của bà Á, nên có cơ sở xác định vào ngày 03-5-2019, bà Á có vay của bà P 45.000.000 đồng, hẹn đến ngày 03-8-2019 sẽ hoàn trả tiền nhưng đến nay bà Á chưa trả tiền cho bà P là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015. Tại biên bản lấy lời khai và tại biên bản hòa giải cùng ngày 18-02-2020, bà Á cũng đồng ý trả cho bà P 45.000.000 đồng nhưng xin được trả dần mỗi vụ lúa trả 5.000.000 đồng, tính từ vụ lúa Đông xuân năm 2021 cho đến khi thanh toán hết nợ. Bà P không đồng ý đề nghị trả nợ dần của bà Á. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P về việc yêu cầu bà Á có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 45.000.000 đồng là có căn cứ.

[5] Bà P yêu cầu bà Á trả tiền lãi theo mức lãi suất pháp luật quy định tính từ ngày 04-8-2019 cho đến khi bà Á thanh toán hết nợ. Thấy rằng, tại “Biên nhận” ngày 03-5-2019 không có nội dung thỏa thuận lãi. Tại phiên tòa, bà P cũng thừa nhận cho bà Á vay không có lãi, nên có căn cứ xác định hợp đồng cho vay tiền giữa bà P với bà Á là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và không có lãi, nên chỉ chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm trả theo mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015. Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi suất 1,66%/tháng là chưa đúng quy định của pháp luật, cần sửa án sơ thẩm về phần tính lãi. Số tiền lãi tính từ ngày 04-8-2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 25-5-2020, cụ thể như sau:

45.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 09 tháng 21 ngày = 3.622.950 đồng.

Như vậy, cần buộc bà Trần Thị Á có trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị P số tiền gốc 45.000.000 đồng và số tiền lãi 3.622.950 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 48.622.950 đồng

[6] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm

Bà Trần Thị Á phải chịu 2.431.000 đồng do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh;

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh;

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị P về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Trần Thị Á.

Buộc bà Trần Thị Á có trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị P số tiền vay 45.000.000 đồng và số tiền lãi 3.622.950 đồng, tổng cộng tiền vay và lãi là 48.622.950 đồng (*Bốn mươi tám triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn chín trăm năm mươi đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền, nếu chậm trả tiền thì bà Trần Thị Á còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đặng Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.125.000 đồng (*Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000776 ngày 15-01-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh.

Bà Trần Thị Á phải chịu 2.431.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu

